TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 7 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan – Thẩm phán;

Các Hội Thẩm nhân dân:

1 . Ông Nguyễn Văn Hạnh

2 . Bà Phạm Thị Bích Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Lê Chân thành phố Hải Phòng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân Quận Lê Chân, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 730/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐST-DS ngày 25/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị Y, sinh năm 1972; nơi ĐKHKTT: Số 2 HXH, phường M, quận H, thành phố H; nơi ở hiện tại : Số 31 NB, phường K, Quận L, thành phố H. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1972; nơi ĐKHKTT: Số 2 HXH, phường M, quận H, thành phố H; nơi ở hiện tại : Số 31 NB, phường K, Quận L, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về hôn nhân và gia đình đề ngày 15 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Vũ Thị Y trình bày: Bà Y kết hôn với ông Nguyễn Trọng B từ năm 1998, trên cơ sở

tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, khoảng 10 năm trở lại đây (sau khi sinh con thứ 2) vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không còn phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, sống thiếu trách nhiệm với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống vợ chồng luôn ngột ngạt, căng thẳng và không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhau nhiều tháng nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, nên bà Y đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1999 (hiện đã đến tuổi trưởng thành) và Nguyễn Trọng Nhật M, sinh năm 2007. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, bà Y có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trọng Nhật M đến khi trưởng thành, tuy nhiên nếu ông B có nguyện vọng nuôi con bà cũng nhất trí và có trách nhiệm đóng góp nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Việc này đã được hai bên viết cam kết thỏa thuận ngày 26/12/2017 (có văn bản cam kết kèm theo hồ sơ)

Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc chia tài sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng B vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, song ông B không đến Tòa án theo giấy triệu tập; thông báo hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trên.

Tại phiên toà, bà Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Trọng B cũng như những quan điểm về con chung và tài sản chung đã trình bày tại tòa.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đúng các quy định về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56,81,82,83 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 227 BLTTDS tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Vũ Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Trọng B; về con chung: Chấp nhận thỏa thuận của hai bên, giao con chung là Nguyễn Trọng Nhật M, sinh ngày 14/9/2007 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, mỗi tháng bà Y có trách

nhiệm đóng giớp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng; về tài sản chung bà Y không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và qua xác minh tại địa phương thể hiện ông Nguyễn Trọng B có nơi ĐKHKTT: Số 2 HXH, phường M, quận H, thành phố H; nơi ở hiện tại : Số 31 NB, phường K, Quận L, thành phố H. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn bà Vũ Thị Y và bị đơn ông Nguyễn Trọng B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Trọng B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, cho thấy ông B đã tự từ bỏ quyền cũng như nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Bởi vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Trọng B .

[3] Về hôn nhân: Bà Vũ Thị Y và ông Nguyễn Trọng B kết hôn với nhau năm từ năm 1998, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông B là hợp pháp.

Quá trình chung sống cho đến nay bà Y xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp về tính tình lối sống, không có tình cảm, vợ chồng thường xuyên xảy cãi cọ nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và bạn bè khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhau từ nhiều tháng nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Mặt khác qua điều tra xác minh tại địa phương cũng như tại gia đình thấy rằng quan hệ vợ chồng giữa bà Yến và ông Bảo trên thực tế đã không còn tồn tại, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Yến và ông Bảo đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, yêu cầu của bà Y được ly hôn với ông B là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y xin được ly hôn với ông B.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1999 (hiện đã đến tuổi trưởng thành) và Nguyễn Trọng Nhật M, sinh ngày 14/9/2007. Tại phiên tòa ông B vắng mặt, song tại "Bản cam kết thỏa thuận vấn đề con cái tài sản chung khi ly hôn ngày 26/12/2107" giữa bà Y và ông B có sự chứng kiến của ông Trần Việt Th là giám đốc trung tâm nơi bà Y và ông B đang công tác,

do bà Y giao nộp cho Tòa án thể hiện: Về con chung,hai bên thỏa thuận giao con chung Nguyễn Trọng Nhật M, sinh ngày 14/9/2007 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà Y có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng); về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận phân chia xong. Mặt khác qua xem xét ý kiến và nguyện vọng của cháu M, cháu M có nguyện vọng được sống chung cùng bố (ông Nguyễn Trọng B) và hiện cháu đang chung sống cùng ông B. HĐXX xét thấy việc thoả thuận giữa hai bên về việc nuôi con chung và đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Yến phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Vũ Thị Y và ông Nguyễn Trọng B.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Trọng Nhật M, sinh ngày 14/9/ 2007 cho ông B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Bà Y có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng (hai triệu đồng) một tháng kể từ tháng 7 năm 2018.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bà Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005013 ngày 19

tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Lê Chân. Như vậy bà Y còn phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

- *Về quyền yêu cầu thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND phường Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng (ĐKKH 1998);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Phong Lan